

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2023
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05: Phát sinh từ 05 lò hơi công suất mỗi lò hơi 02 tấn hơi/h/lò, sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas LPG.

- Nguồn số 06: Hơi mùi khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi mùi trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: 06 dòng khí thải, trong đó

+ 05 dòng khí thải sau xử lý của 05 hệ thống xử lý khí thải xả thải ra ngoài môi trường qua 05 ống phông không cao 10 m.

+ 01 dòng khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý hơi mùi từ trạm xử lý nước thải và thải ra ngoài môi trường qua 01 ống phông không cao 05 m.

- Tọa độ vị trí xả khí thải

+ Dòng khí thải số 01: Tọa độ: X = 2.209.122; Y = 568.366.

+ Dòng khí thải số 02: Tọa độ: X = 2.209.119; Y = 568.367.

+ Dòng khí thải số 03: Tọa độ: X = 2.209.126; Y = 568.375.

+ Dòng khí thải số 04: Tọa độ: X = 2.209.129; Y = 568.375.

+ Dòng khí thải số 05: Tọa độ: X = 2.209.123; Y = 568.376.

+ Hệ thống xử lý hơi mùi trạm xử lý nước thải tập trung: Tọa độ: X = 2.209.384; Y = 568.319.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí 5.000 m³/h.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí 5.000 m³/h.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí 5.000 m³/h.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí 5.000 m³/h.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí 5.000 m³/h.

- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí 5.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức, chế độ xả khí thải: Cường bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

2.2.2. Chất lượng khí thải

a) Chất lượng khí thải (tương ứng với dòng khí thải số 01 đến 05): Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại QCVN 34:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lọc hóa dầu đối với bụi và các chất vô cơ (cột B với loại nhiên liệu sử dụng là khí; $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 34:2010/BTNMT	
			C	C _{max}
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	50	50
2	NO _x	mg/Nm ³	250	250
3	SO ₂	mg/Nm ³	300	300
4	CO	mg/Nm ³	200	200
5	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	7,5

b) Chất lượng khí thải (tương ứng với dòng khí thải số 06): Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT		QCVN 20:2009/BTNMT
			C	C _{max}	
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	7,5	-
2	Clo	mg/Nm ³	10	10	-
3	Anilin	mg/Nm ³	-	-	19

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh hơi mùi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Đối với hoạt động của lò hơi: Dự án sử dụng 05 lò hơi mỗi lò hơi công suất 02 tấn hơi/giờ sử dụng nhiên liệu là khí gas. Khí thải phát sinh chủ yếu là CO₂ thoát ra ngoài môi trường nhờ quạt hút công suất 03 KW/quạt, sau đó thoát ra ống phóng không có đường kính Ø360 mm, chiều cao 10 m (so với nền nhà xưởng) được lắp đặt đồng bộ với lò hơi (mỗi lò hơi có 01 ống phóng không riêng).

- Đối với hơi mùi, khí thải phát sinh từ xưởng nhuộm

+ Công đoạn nhuộm được Chủ dự án thực hiện tự động hóa bằng hệ thống qua các máy định lượng và quy trình nhuộm đã được cài đặt và điều khiển tự động bằng máy tính. Ngoài ra, Chủ dự án sử dụng các thiết bị nhuộm kín, công nghệ hiện đại có các vùng giảm áp, giảm nhiệt độ giúp vải sau khi nhuộm có độ bền màu và không bị nhăn cũng như biến dạng bề mặt nên hầu như hơi mùi hóa chất

của thuốc nhuộm còn lưu trên bề mặt vải là không đáng kể, không phát tán nhiều ra ngoài môi trường. Trong suốt quá trình nhuộm, thiết bị không được mở nắp. Đây là công nghệ nhuộm khô nên không phát sinh nước thải từ quá trình nhuộm do đó không phát sinh hơi nước khi mở nắp máy nhuộm sau khi nhuộm xong.

+ Lắp đặt 10 quạt thông gió công suất 0,75 KW/quạt trong xưởng nhuộm để thông gió, giảm nhiệt.

- Đối với hơi mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải được Chủ dự án thu gom và đưa về hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống phóng không cao 05 m.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ xưởng dệt

+ Đầu tư hệ thống thu gom bụi cục bộ: Dây chuyền dệt vải được Chủ dự án đầu tư lắp đặt các máy móc, thiết bị hiện đại đồng bộ với hệ thống thu gom xử lý bụi bông tự động trong quá trình sản xuất. Tổng số có 60 máy hút bụi gắn trực tiếp trên 60 máy dệt, công suất máy hút bụi 1.600 W/máy.

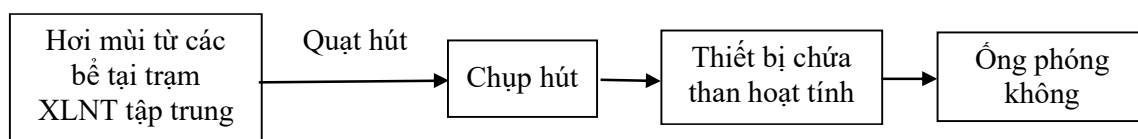
+ Đầu tư 01 hệ thống điều không làm mát nhà xưởng bằng hơi nước để thu bụi và giảm nhiệt độ tại xưởng dệt. Trong hệ thống máy điều không có bố trí máy khử bụi có cấu tạo gồm 01 khung hình trụ quán lưới lọc bụi bằng thép (gọi là thùng quay) và hệ thống giá đỡ. Luồng gió hồi sẽ được hút từ rãnh gió hồi phía dưới nền xưởng thông qua hệ thống ống dẫn xả lên bề mặt ngoài của thùng quay: Phần bụi bông được giữ lại, còn không khí sạch đi vào bên trong của thùng quay và sang hệ thống giàn phun mưa hoặc xả ra ngoài môi trường. Tỷ lệ thu gom bụi bông khoảng 99%. Bụi bông từ máy khử bụi chứa trong túi lọc vải định kỳ 01 lần/ngày được thu gom đưa về kho chứa chất thải công nghiệp thông thường và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại xưởng dệt như khẩu trang, nút tai chống ồn,...

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Đối với hơi mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải: Hơi mùi phát sinh từ các hạng mục công trình của trạm xử lý nước thải như bể điều hòa, bể vi sinh hiếu khí, bể lắng vi sinh và bể cô đặc bùn sẽ bố trí 04 quạt hút công suất 03 Kw/quạt qua chụp hút dẫn vào thiết bị chứa than hoạt tính đặt ngay tại trạm xử lý nước thải. Trong thiết bị xử lý gồm các lớp than hoạt tính được bố trí theo chiều thẳng đứng. Dòng khí thải chứa các chất ô nhiễm dẫn vào thiết bị xử lý theo chiều từ dưới lên, các chất ô nhiễm tiếp xúc với than hoạt tính. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống phóng không cao 05 m.

- Quy trình xử lý hơi mùi tại trạm xử lý nước thải



- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho các hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải: Than hoạt tính khoảng 0,015 tấn/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải.

- Chủ dự án sẽ bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải của trạm xử lý nước thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án sẽ cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án sẽ tạm dừng hoạt động tại bộ phận đó và tiến hành sửa chữa, sau khi sửa xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024.

(Lưu ý: Nếu thay đổi thời gian vận hành thử nghiệm đề nghị Chủ dự án có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu khí tại lỗ kỹ thuật của 01 ống phóng không sau hệ thống xử lý hơi mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Chi tiết tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tiến hành lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp tại 01 lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không (khí thải sau xử lý). Tổng số mẫu là 03 mẫu.

- Tần suất lấy mẫu 01 lần/ngày.

Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Chi cục Bảo vệ môi trường) để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 phần A phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định, UBND huyện Nghĩa Hưng để kịp thời xử lý./.